

Số: /TT - BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không, thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định nội dung, chương trình cơ bản đào tạo về kiến thức hàng không và thực hành điều khiển tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (sau đây viết gọn là phương tiện bay); phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác thuộc thẩm quyền của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân người Việt Nam và nước ngoài tại Việt Nam có hoạt động đào tạo cấp giấy phép điều khiển phương tiện bay; nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng; kinh doanh phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay; cấp phép bay; quản lý hoạt động bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

2. Không áp dụng đối với hoạt động đào tạo cấp giấy phép điều khiển phương tiện bay; nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng; kinh doanh phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản lý không phận UTM là hệ thống quản lý giao thông cho phương tiện bay không người lái (UAV) trong không phận tầm thấp.

2. VLOS là việc điều khiển UAV mà người điều khiển phải luôn giữ được tầm nhìn trực tiếp với UAV trong suốt chuyến bay.

3. BVLOS là việc điều khiển UAV mà người điều khiển không thể nhìn thấy UAV bằng mắt thường (bay ngoài tầm nhìn).

Chương II

NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN ĐÀO TẠO VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI VÀ PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC

Điều 4. Nội dung cơ bản

1. Pháp luật quy định về tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.

2. Kiến thức hàng không cơ bản và nguyên lý bay.

3. Hệ thống tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; trang bị, thiết bị đồng bộ.

4. Vận hành an toàn và quy trình bay.

5. Khí tượng và môi trường bay.

6. Quản lý không phận và UTM cơ bản.
7. Kỹ năng điều khiển cơ bản (VLOS).
8. Thực hành nhiệm vụ VLOS nâng cao.
9. Kỹ năng điều khiển nâng cao (BVLOS).
10. Nhận biết và quản lý các mối đe dọa.
11. Kỹ năng xử lý tình huống bất thường.

Điều 5. Phân phối chương trình

1. Tổng thời gian đào tạo: Theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.
2. Đào tạo lý thuyết: 55% tổng thời gian.
3. Đào tạo thực hành: 35% tổng thời gian.
4. Ôn tập, kiểm tra và sát hạch cuối khóa: 10% tổng thời gian.

Chương III

PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI VÀ PHƯƠNG TIỆN BAY KHÁC

Điều 6. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay cho Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

1. Thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác (sau đây viết gọn là Nghị định 288/2025/NĐ-CP):

a) Chấp thuận đủ điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với hoạt động nhập khẩu tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay.

b) Chấp thuận đủ điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với hoạt động tạm nhập tái xuất phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay.

c) Chấp thuận đủ điều kiện về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với hoạt động tạm xuất tái nhập phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay.

2. Thừa nhận quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện bay.

3. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

4. Trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy phép đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 11 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

2. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 12 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 13 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

4. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

5. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 11 hoặc khoản 3 Điều 12 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

6. Cơ quan, đơn vị phối hợp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Điều 8. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy phép đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay cho Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, thành phố

1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 15 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

2. Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 16 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh phương tiện bay; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của phương tiện bay theo quy định tại Điều 17 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

4. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;

c) Trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

5. Trình tự thủ tục

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

6. Cơ quan, đơn vị phối hợp: Công an tỉnh, thành phố.

Điều 9. Phân cấp giải quyết thủ tục hành chính cấp phép bay đối với tàu bay không người lái và phương tiện bay khác cho Cục Tác chiến, Bộ Tư lệnh các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, thành phố

1. Cục Tác chiến cấp phép bay đối với hoạt động bay trong vùng trời, vùng thông báo bay của Việt Nam.

2. Bộ Tư lệnh quân khu cấp phép bay đối với hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 120 mét so với địa hình thuộc địa bàn của quân khu; hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 50 mét so với địa hình trong phạm vi từ 02 tỉnh, thành phố trở lên thuộc địa bàn của quân khu (không bao gồm khu vực cấm bay, hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay).

3. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội cấp phép bay đối với hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 120 mét so với địa hình, trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội (không bao gồm khu vực cấm bay, hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay).

4. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết gọn là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) cấp phép bay đối với hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 50 mét so với địa hình, trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh (không bao gồm khu vực cấm bay, hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay).

5. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

6. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

7. Phối hợp cấp phép bay theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

8. Cơ quan, đơn vị phối hợp:

a) Công an tỉnh (thành phố) nơi có hoạt động bay được cấp phép;

b) Cục Hàng không Việt Nam đối với hoạt động bay được cấp phép có ảnh hưởng đến hoạt động khai thác hàng không dân dụng hoặc Trung tâm quản lý luồng không lưu thuộc Tổng công ty quản lý bay Việt Nam (trong trường hợp được Cục Hàng không uỷ quyền).

Điều 10. Phân cấp huỷ bỏ phép bay

1. Cục Tác chiến huỷ bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Cục Tác chiến và Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh cấp.

2. Bộ Tư lệnh quân khu huỷ bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Bộ Tư lệnh quân khu và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thuộc quyền cấp.

3. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội huỷ bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội cấp.

4. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh huỷ bỏ toàn bộ hoặc một phần phép bay do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh cấp.

Điều 11. Phân cấp giám sát, quản lý khu vực bay

1. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chỉ đạo chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng đối với hoạt động bay có độ cao dưới 120 mét so

với địa hình; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao lớn hơn 120 mét so với địa hình trên địa bàn tỉnh.

2. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng đối với hoạt động bay có độ cao dưới 200 mét so với địa hình; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao lớn hơn 200 mét so với địa hình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Bộ Tư lệnh quân khu chỉ đạo quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng đối với hoạt động bay có độ cao bay từ 120 mét đến dưới 200 mét so với địa hình; hoạt động bay trong phạm vi từ 02 tỉnh (thành phố) trở lên trong địa bàn quân khu; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao lớn hơn 200 mét so với địa hình trên địa bàn quân khu.

4. Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân chủ trì quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng bay trên cơ sở phối hợp thống nhất với các đơn vị, cơ quan liên quan đến quản lý vùng trời, quản lý điều hành bay trong khu vực, cơ sở điều hành bay hàng không dân dụng liên quan đối với hoạt động bay có độ cao bay bằng hoặc lớn hơn 200 mét so với địa hình và trong khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay tại cảng hàng không, sân bay; phối hợp giám sát, quản lý hoạt động bay có độ cao nhỏ hơn 200 mét so với địa hình trong khu vực nhiệm vụ.

5. Hoạt động bay trong vùng trời trên các đảo, quần đảo, nhà giàn thuộc chủ quyền của Việt Nam không nằm trong khu vực lân cận sân bay, đường hàng không có hoạt động bay quân sự, hàng không dân dụng do Quân chủng Phòng không - Không quân chủ trì, phối hợp với Quân chủng Hải quân và các đơn vị có liên quan trong khu vực quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng bay.

6. Trường hợp thiết lập vùng trời, cấp phép bay cho thử nghiệm và khai thác, sử dụng phương tiện bay hoạt động ở nhiều khu vực khác nhau, nhiều độ cao khác nhau do Quân chủng Phòng không - Không quân chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong khu vực có hoạt động bay quản lý, giám sát, dự báo, thông báo và hiệp đồng bay.

7. Hoạt động bay trong vùng trời khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay do đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay và đơn vị liên quan được chỉ định trong phép bay quản lý, giám sát, dự báo, thông báo bay và hiệp đồng.

Điều 12. Phân cấp giám sát kiểm tra, sát hạch; giải quyết thủ tục hành chính cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thừa nhận Giấy phép điều khiển phương tiện bay cho Quân chủng Phòng không - Không quân

1. Giám sát kiểm tra, sát hạch của cơ sở đào tạo cấp Giấy phép điều khiển

phương tiện bay, gồm:

a) Kiểm tra lý thuyết kiến thức về hàng không;

b) Sát hạch thực hành điều khiển phương tiện bay.

2. Cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy phép điều khiển phương tiện bay, gồm:

a) Cấp mới Giấy phép điều khiển phương tiện bay sau khi có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ, danh sách, kết quả kiểm tra và quyết định trúng tuyển của cơ sở đào tạo;

b) Cấp đổi Giấy phép điều khiển phương tiện bay trong trường hợp bị hư hỏng, hết hạn;

c) Cấp lại Giấy phép điều khiển phương tiện bay trong trường hợp bị mất.

3. Thừa nhận Giấy phép điều khiển phương tiện bay hoặc bằng, chứng chỉ quốc tế có giá trị tương đương của cá nhân sử dụng phương tiện bay tại Việt Nam.

4. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp cấp mới theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định 288/2025/NĐ-CP;

b) Trường hợp cấp đổi, cấp lại theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 29 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

5. Trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định 288/2025/NĐ-CP.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Văn bản hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12 tháng 02 năm 2017 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hồ sơ đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiếp tục giải quyết theo các quy định hiện hành cho đến khi kết thúc thủ tục hành chính.

2. Các giấy tờ quy định tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục có giá trị pháp lý. Trường hợp cần cấp lại, điều chỉnh, gia hạn hoặc bị thu hồi, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo:

a) Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tổ chức triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Cục Tác chiến tổ chức triển khai thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều 8; hướng dẫn các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh triển khai thủ tục hành chính quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 8 và thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

2. Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng tổ chức triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Bộ Tư lệnh các quân khu triển khai thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 8 và thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9; khoản 3 Điều 10; chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thuộc quyền triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 7, khoản 4 Điều 8 và thực hiện nội dung quy định tại khoản 4 Điều 9; khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

4. Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 11 và thực hiện các nội dung liên quan tại Điều 10 Thông tư này.

5. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội triển khai thủ tục hành chính quy định tại Điều 7, khoản 3 Điều 8 và thực hiện nội dung liên quan tại khoản 3 Điều 9, khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

6. Các cơ quan, đơn vị trong quân đội phối hợp thực hiện nội dung quy định tại khoản 5, 6 và khoản 7 Điều 10 Thông tư này.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Cục Tác chiến phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin điện tử phục vụ công tác quản lý và thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến các nội dung quy định tại Thông tư này.

2. Bộ Tư lệnh 86, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội phối hợp triển khai thực hiện.

3. Cục Tài chính đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện.

4. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

Quá trình thực hiện Thông tư nếu phát sinh vướng mắc kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Thủ trưởng BQP, CNTCCT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng;
- Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố;
- C51, C54, C55, C56, C57, C61, C63, C89, C12, C13, C14;
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/BTP;
- Cục Pháp chế/BQP;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ, Công TTĐT BQP;
- Lưu: VT, NCTH; U299.

.....
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(2)....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác

Căn cứ Luật Đầu tư năm

Căn cứ Nghị định số 288/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay khác.

Xem xét đề nghị tại Văn bản số: ngày .../.../..... của(4)..... kèm theo hồ sơ về việc chấp thuận điều kiện cơ sở kinh doanh....., cụ thể:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; do cấp ngày ... tháng ... năm.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: do cấp ngày.... tháng năm.....

- Chủ sở hữu:

- Địa điểm trụ sở cơ sở kinh doanh:(5).....

- Người đại diện theo pháp luật:; Số CCCD (Hộ chiếu):, Ngày cấp:/.../.....; Đơn vị cấp:

- Ngành nghề kinh doanh:(3).....

.....(1)..... xác nhận:

1.(4)..... đủ điều kiện kinh doanh:.....(3).....

2. Yêu cầu(4).....

- Thực hiện đúng các cam kết trong hồ sơ đề nghị chấp thuận điều kiện kinh doanh.

- Chấp hành nghiêm các quy định về kinh doanh và duy trì điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam./.

.....(6).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính
- Công an tỉnh...;
- Lưu: VT,

Cấp bậc Họ và tên (người ký)

(1) Tên Bộ CHQS cấp tỉnh (thành phố)

(2) Địa danh cấp tỉnh

(3) Loại ngành nghề kinh doanh

(4) Tên cơ sở kinh doanh

(5) Địa chỉ đặt cơ sở kinh doanh theo Đơn đề nghị

(6) Chức vụ của người ký